

**CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ AN PHÚ THỊNH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ AN PHÚ THỊNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 4101625742

**3. Ngày thành lập:** 08/03/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Khu TĐC Đê Đông – Nhơn Bình phục vụ tuyến quốc lộ 19, Phường Nhơn Bình,  
Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại: 0976654765

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                            | 4329        |
| 2.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                            | 4330        |
| 3.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                       | 4390        |
| 4.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                       | 4511        |
| 5.  | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                                                               | 4512        |
| 6.  | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                         | 4513        |
| 7.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                            | 4520        |
| 8.  | Bán mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4541        |
| 9.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa                                                                                                                                                                                                                       | 4610        |
| 10. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn cà phê                                                                                                                                                                                                                                           | 4632        |
| 11. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) | 4659        |
| 12. | Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)<br>(Doanh nghiệp phải đáp ứng đủ và duy trì điều kiện đầu tư kinh doanh trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện)                               | 9610(Chính) |
| 13. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê                                                                                                                                                                                                     | 6810        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 14. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>( Trừ lĩnh vực đấu giá)                                                                                                                                                                  | 6820 |
| 15. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                        | 7710 |
| 16. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                             | 4690 |
| 17. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>(Doanh nghiệp phải đáp ứng đủ và duy trì điều kiện đầu tư kinh doanh trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện) | 5510 |
| 18. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                             | 4101 |
| 19. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                       | 4102 |
| 20. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                 | 4211 |
| 21. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                  | 4212 |
| 22. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                      | 4221 |
| 23. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                           | 4222 |
| 24. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                            | 4223 |
| 25. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                             | 4229 |
| 26. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                      | 4291 |
| 27. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                                               | 4292 |
| 28. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                                         | 4293 |
| 29. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                    | 4299 |
| 30. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                        | 4311 |
| 31. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                             | 4312 |
| 32. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                         | 4321 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: ĐOÀN VĂN HỮU

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 19/10/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038089005260

Ngày cấp: 16/12/2021

Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Nha Lọc , Xã Đồng Thắng, Huyện Triệu Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Nha Lọc , Xã Đồng Thắng, Huyện Triệu Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

Thời gian đăng từ ngày 08/03/2023 đến ngày 07/04/2023

\* Họ và tên: **ĐOÀN VĂN HỮU**

Giới tính: **Nam**

Chức danh: **Giám đốc**

Sinh ngày: **19/10/1989**

Dân tộc: **Kinh**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: **Thẻ căn cước công dân**

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: **038089005260**

Ngày cấp: **16/12/2021**

Nơi cấp: **Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính  
về trật tự xã hội**

Địa chỉ thường trú: **Thôn Nha Lọc , Xã Đồng Thắng, Huyện Triệu Sơn, Tỉnh Thanh Hoá,  
Việt Nam**

Địa chỉ liên lạc: **Thôn Nha Lọc , Xã Đồng Thắng, Huyện Triệu Sơn, Tỉnh Thanh Hoá,  
Việt Nam**

**9. Nơi đăng ký:** **Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Định**